

Bản án số: **242** /2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 26/6/2020  
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 25 ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thanh B, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm T, xã TĐ, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm T, xã TĐ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh B trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Nguyễn Trọng T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T ở xóm T, xã TĐ, huyện CM. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ. Từ năm 2016 đến nay anh T không đưa tiền hỗ trợ chị nuôi con. Đầu tháng 11 năm 2019, chị và hai con đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

**Về con chung:** Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hạnh T1, sinh ngày 28/11/2007 và Nguyễn Trọng Hoàng L, sinh ngày 14/8/2010; hiện tại cả hai cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị là giáo viên trường THPT CD, huyện CM. Tổng thu nhập tiền lương và dạy thêm khoảng 19.000.000 đồng/tháng.

**Về tài sản chung:** Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là trị giá xây dựng nhà 3 tầng trên 50m<sup>2</sup> đất của bố mẹ chồng tại xóm T, xã TĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội.

**Về công nợ chung:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## ***2. Bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày:***

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh T xác nhận anh và chị Nguyễn Thanh B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội). Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn nhưng sau đó vợ chồng đã tự giảng hòa và tiếp tục sống hạnh phúc đến ngày 02/11/2019, chị B bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nhiều lần anh sang nhà ngoại gặp chị B khuyên chị về nhưng chị B không về. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị B xin ly hôn anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

**Về con chung:** Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Hạnh T1, sinh ngày 28/11/2007 và Nguyễn Trọng Hoàng L, sinh ngày 14/8/2010. Hiện tại cả hai cháu đang ở với mẹ vì anh thường xuyên đi công tác vắng nhà, khi anh ở nhà các cháu lại về ở với anh. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh là cán bộ đo đạc địa chính tại Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường - Chi nhánh Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam. Thu nhập từ 6.000.000 đồng – 15.000.000 đồng/tháng.

**Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## ***3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:***

- Chị B vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh T. Về con chung: chị xin được nuôi cả hai cháu T1 và L. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/01con/tháng. Về tài sản chung: chị xin rút yêu cầu chia tài sản của vợ chồng. Về công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T vắng mặt nên không có ý kiến.

#### ***4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:***

***Về tố tụng:*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung:*** Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị B và xử cho chị Nguyễn Thanh B được ly hôn anh Nguyễn Trọng T; Về con chung: giao cả 02 con chung là Nguyễn Hạnh T1, sinh ngày 28/11/2007 và Nguyễn Trọng Hoàng L, sinh ngày 14/8/2010 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Về cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Tòa án buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; Về tài sản chung: Chị B có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản nên không xem xét; Về công nợ chung: Chị B và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] ***Về tố tụng:*** Bị đơn anh Nguyễn Trọng T cư trú tại xã TĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng T đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh B kết hôn với anh Nguyễn Trọng T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là

Tp. Hà Nội) nên hôn nhân giữa chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn giữa chị B và anh T thì thấy: Theo chị B trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả, từ tháng 11 năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân. Trước yêu cầu của chị B xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn mong muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho hai bên hòa giải nhưng anh T không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị B xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hạnh T1, sinh ngày 28/11/2007 và Nguyễn Trọng Hoàng L, sinh ngày 14/8/2010. Ly hôn chị B và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Xét thấy chị B và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên cháu T1 và cháu L đều trên 07 tuổi và cùng có nguyện vọng ở với mẹ. Hiện cả hai cháu đang sinh sống ổn định với chị B và gia đình chị B. Anh T do công việc nên thường xuyên vắng nhà. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt đối với hai cháu T1 và L cần giao cháu T1 và L cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Nếu một mình chị B phải lo chi phí học tập và sinh hoạt của hai cháu T1 và L sẽ không đảm bảo nhu cầu thiết yếu của hai cháu. Yêu cầu của chị B là chính đáng phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy, cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B 1.000.000 đồng/01con/01 tháng, 02 con là 2.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2020 đến khi có sự thay đổi khác.

[2.4] Về tài sản chung: Chị B có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị B và đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị B.

[2.5] Về công nợ chung: Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Anh Nguyễn Trọng T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

**1.Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thanh B được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

**2.Về con chung:** Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hạnh T1, sinh ngày 28/11/2007 và Nguyễn Trọng Hoàng L, sinh ngày 14/8/2010 cho chị Nguyễn Thanh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Trọng T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3.Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh Nguyễn Trọng T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thanh B 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng, 02 con là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7 năm 2020 đến khi có sự thay đổi khác.

**4.Về tài sản chung:** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thanh B. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

**5.Về công nợ chung:** Chị B và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**6.Về án phí:** Chị Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào 12.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004498 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội. Hoàn trả chị Nguyễn Thanh B số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004498 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội. Anh Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thanh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trọng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận**

- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã TĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội  
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thế Lợi**